

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Số: 14/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 27 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 13 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 8 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 40/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TT ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ vốn nguồn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 926/TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, như sau:

1. Điều chỉnh phân bổ ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia:

a) Điều chỉnh phân bổ ngân sách nhà nước năm 2023 chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi:

- Điều chỉnh vốn đầu tư, vốn sự nghiệp giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Điều chỉnh vốn đầu tư dự án Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: Giảm vốn giao cho các huyện, thành phố 4.570 triệu đồng, từ 12.208 triệu đồng xuống 7.638 triệu đồng để tăng cho Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch từ 3.050 triệu đồng lên 7.620 triệu đồng.
- Điều chỉnh vốn sự nghiệp dự án Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: Giảm vốn giao cho các huyện, thành phố 2.825 triệu đồng, từ 8.473 triệu đồng xuống 5.648 triệu đồng để tăng cho Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch từ 5.645 triệu đồng lên 8.470 triệu đồng.
- Điều chỉnh vốn sự nghiệp dự án Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: Giảm vốn giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 5.573 triệu đồng, từ 7.000 triệu đồng xuống 1.427 triệu đồng để tăng cho Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, từ 9.800 lên 15.373 triệu đồng.
- Điều chỉnh chính sách vốn sự nghiệp giao tiêu dự án 2 (*Dự án 10*): Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho Liên minh Hợp tác xã tỉnh là 1.580 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo)

b) Điều chỉnh phân bổ ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

- Điều chỉnh vốn giao, vốn sự nghiệp phân bổ cho các đơn vị, địa phương.
- Điều chỉnh vốn sự nghiệp tiêu dự án 2 (*Dự án 3*): Cải thiện dinh dưỡng: Điều chỉnh giảm tại các huyện, thành phố 2.300 triệu đồng, từ 11.539 triệu đồng xuống 9.239 triệu đồng để tăng cho Sở Y tế, từ 0 đồng lên 1.150 triệu đồng và Sở Giáo dục và Đào tạo, từ 0 đồng lên 1.150 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo)

2. Điều chỉnh phụ biểu 1 của Nghị quyết số 80/NQ-HĐND - Biểu chi tiết danh mục dự án đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 giao cho các sở, ban, ngành của tỉnh.

(Chi tiết tại phụ biểu 1 kèm theo)

3. Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Căn cứ Nghị quyết này, quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện điều chỉnh phân bổ ngân sách nhà nước năm 2023, tổ chức triển khai thực hiện các dự án bảo đảm đúng quy định hiện hành và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tình hình phân bổ ngân sách nhà nước, danh mục dự án đầu tư tại Kỳ họp gần nhất và Kỳ họp thường lệ giữa năm.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 13 (*chuyên đề*) thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua. *ĐH*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: KH&ĐT; Tài chính;
- LĐ-TB&XH; NN&PTNT;
- Ủy Ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND,
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Triệu Đình Lê

Phụ lục 1

ĐIỀU CHỈNH PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)



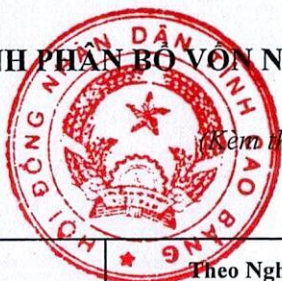
Đơn vị: Triệu đồng

TT	CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG	Theo Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 09/12/2022						Sau điều chỉnh						Ghi chú
		Vốn đầu tư		Vốn sự nghiệp				Vốn đầu tư		Vốn sự nghiệp				
		Cộng vốn đầu tư	Dự án 6	Cộng vốn sự nghiệp	Dự án 6	Dự án 8	Dự án 10 (Tiêu dự án 2)	Cộng vốn đầu tư	Dự án 6	Cộng vốn sự nghiệp	Dự án 6	Dự án 8	Dự án 10 (Tiêu dự án 2)	
	Tổng cộng toàn tỉnh	656.800	15.258	853.939	14.118	39.215		656.800	15.258	853.939	14.118	39.215		
A	Sở, ban, ngành tỉnh	19.376	3.050	124.285	5.645	16.800		23.946	7.620	127.110	8.470	16.800		
1	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội			8.367		7.000				2.794		1.427		
2	Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch	3.050	3.050	5.712	5.645			7.620	7.620	8.537	8.470			
3	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh			9.867		9.800				15.440		15.373		
4	Liên minh Hợp tác xã tỉnh						790						1.580	Điều chỉnh đính chính số liệu
B	Cấp huyện	637.424	12.208	729.654	8.473			632.854	7.638	726.829	5.648			
1	Bảo Lâm	78.681	984	88.898	683			78.313	616	88.670	455			
2	Bảo Lạc	88.348	1.287	92.522	893			87.866	805	92.224	595			
3	Nguyên Bình	83.274	1.287	95.422	892			82.792	805	95.125	595			
4	Hà Quảng	75.524	1.590	94.329	1.103			74.929	995	93.961	735			
5	Hòa An	60.700	1.136	53.355	788			60.274	710	53.092	525			
6	Trùng Khánh	63.896	1.590	83.663	1.103			63.301	995	83.296	736			
7	Hạ Lang	52.754	984	61.359	683			52.386	616	61.131	455			
8	Quảng Hòa	69.064	1.438	78.348	998			68.526	900	78.015	665			
9	Thạch An	58.180	1.060	75.023	735			57.783	663	74.778	490			
10	TP. Cao Bằng	7.003	852	6.735	595			6.684	533	6.537	397			

PHỤ LỤC 2

ĐIỀU CHỈNH PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
NĂM 2023

(Xem theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Theo Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 09/12/2022				Điều chỉnh tổng giao các đơn vị		Sau điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng số phân bổ		Dự án 3 (SN)		Giảm	Tăng	Tổng số phân bổ		Dự án 3 (SN)		
		Cộng	SN	Cộng	TDA2			Tổng Cộng	SN	Tổng cộng	TDA2	
1	Bảo Lâm	83.251	37.935	5.141	1.487	297		82.954	37.638	4.844	1.190	
2	Bảo Lạc	76.122	36.165	5.141	1.412	282		75.840	35.883	4.859	1.130	
3	Hạ Lang	73.513	33.556	3.671	930	185		73.328	33.371	3.486	745	
4	Hà Quảng	156.013	50.308	6.938	1.543	307		155.706	50.001	6.631	1.236	
5	Thạch An	69.529	29.572	4.091	1.033	206		69.323	29.366	3.885	827	
6	Nguyễn Bình	93.225	48.883	4.600	1.033	206		93.019	48.677	4.394	827	
7	Trùng Khánh	155.491	51.009	7.206	1.519	303		155.188	50.706	6.903	1.216	
8	Quảng Hòa	19.468	19.468	4.675	1.021	204		19.264	19.264	4.471	817	
9	Hòa An	12.524	12.524	3.068	862	171		12.353	12.353	2.897	691	
10	TP Cao Bằng	8.068	8.068	2.128	699	139		7.929	7.929	1.989	560	
11	Sở Y tế	350	350				1.150	1.500	1.500	1.150	1.150	
12	Sở Giáo dục và Đào tạo						1.150	1.150	1.150	1.150	1.150	
Tổng cộng		747.554	327.838	46.659	11.539	2.300	2.300	747.554	327.838	46.659	11.539	



Phụ biểu 1
ĐIỀU CHỈNH GIAO CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023 GIAO CHO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CỦA TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư						Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025				Kế hoạch năm 2023 theo Nghị quyết 80/NQ-HĐND, ngày 09/12/2022				Điều chỉnh		Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh				Ghi chú					
					Quyết định đầu tư (Số, ngày/tháng/năm)	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSDP		Huy động khác và nhân dân	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSDP		Huy động khác và nhân dân	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSDP		Huy động khác và nhân dân	Giảm	Tăng	Tổng số	NSTW		Đối ứng NSDP		Huy động khác và nhân dân		
								NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện							NS tỉnh	NS huyện			
TỔNG CỘNG																														
A. CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BẮC ĐÀO CHIÊU SỐ VÀ MIỀN NÚI																														
1	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch																													
2	(15) - Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số																													
	Dự án: Đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống dân tộc Tây Bắc Giàng, xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng		xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	Theo QĐ phê duyệt	2022-2024		6.000	6.000					6.000	6.000																
3	(17) - Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số																													
	Dự án: Trùng tu tôn tạo di tích Quốc gia đặc biệt tiêu biểu, di tích quốc gia tiêu biểu		xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Trùng tu tôn tạo	2023-2025		6.000	6.000					6.000	6.000																
B. CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIÀM NGHÈO BỀN VỮNG																														
1	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững																													
Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn																														
* Dự án chuyển tiếp																														
1	Nâng cấp, xây dựng mới trường Trung cấp nghề, tỉnh Cao Bằng		Trụ sở chính: Tổ 1 phường Sông Hiến và cơ sở 2: Thị trấn Nước Hai, huyện Hoà An	Theo QĐ phê duyệt	2022-2025		77.506	77.506					77.506	77.506																
2	Nâng cấp, xây dựng mới trường Trung cấp nghề, tỉnh Cao Bằng		Trụ sở chính: Tổ 1 phường Sông Hiến và cơ sở 2: Thị trấn Nước Hai, huyện Hoà An	Theo QĐ phê duyệt	2022-2025		77.506	77.506					77.506	77.506																
Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững																														
* Dự án chuyển tiếp																														
1	Đầu tư xây dựng sân giao dịch việc làm (trực tiếp, trực tuyến); kết nối Cung - Cầu lao động		Trụ sở chính tại TP Cao Bằng	Theo QĐ phê duyệt	2022-2023		2.193	2.193					2.193	2.193																
2	Đầu tư xây dựng sân giao dịch việc làm (trực tiếp, trực tuyến); kết nối Cung - Cầu lao động		Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Cao Bằng và các văn phòng đại diện tại huyện Quảng Hòa và huyện Bảo Lạc tỉnh Cao Bằng	Theo QĐ phê duyệt	2022-2024		2.193	2.193					2.193	2.193																
* Dự án chuẩn bị đầu tư 2023																														
1	Đầu tư xây dựng sân giao dịch việc làm (trực tiếp, trực tuyến); kết nối Cung - Cầu lao động (Giai đoạn 2)		Trụ sở chính tại TP Cao Bằng và 02 điểm văn phòng Miền đông, miền tây	Theo QĐ phê duyệt	2023-2025		10.129	10.129					10.129	10.129																
2	Đầu tư xây dựng sân giao dịch việc làm (trực tiếp, trực tuyến); kết nối Cung - Cầu lao động (Giai đoạn 2)		Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Cao Bằng và các văn phòng đại diện tại huyện Quảng Hòa và huyện Bảo Lạc tỉnh Cao Bằng	Theo QĐ phê duyệt	2023-2025		10.129	10.129					10.129	10.129																